

TENANT INCOME CERTIFICATION

☐ Initial Certification ☐ Recertification ☐ Other* _____
☐ Unit Transfer from unit # _____

Effective Date: _____
Move-In Date: _____
Initial LIHTC Certification Date: _____

 OREGON HOUSING and
COMMUNITY SERVICES

PART I - DEVELOPMENT DATA

Property Name: _____ County: _____ BIN #: _____
Address _____ Unit Number: _____ # Bedrooms: _____

PART II. HOUSEHOLD COMPOSITION

HH Mbr #	Last Name	First Name	Middle Initial	Relationship to Head of Household	Race	Ethnicity	Disabled (Yes/No)	Date of Birth	Full Time Student (Yes/No)	Last 4 Digits of SS#
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										

PART III. GROSS ANNUAL INCOME (USE ANNUAL AMOUNTS)

HH Mbr #	(A) Employment	(B) Social Security/Pensions	(C) Public Assistance	(D) Other Income
TOTALS	\$	\$	\$	\$

Total Income (E): \$

PART IV. ASSETS

PART IVA. INCOME FROM ASSETS – LESS THAN OR EQUAL TO IMPUTED INCOME LIMITATION

Total net value from Non-necessary Personal Property (NNPP), Real Property, and Federal Tax Refunds/Credits has been verified as **LESS** than or **EQUAL** to the Imputed Income Limitation

Enter Total of **ACTUAL INCOME** earned from all Assets (F) \$

PART IVb. INCOME FROM ASSETS – GREATER THAN IMPUTED INCOME LIMITATION

Total net value from Non-necessary Personal Property (NNPP) and Real Property has been verified as **GREATER** than the Imputed Income Limitation.

HH Mbr#	(G) Type of Asset	(H) C/D	(I) NNPP / Real/ Tax Relief	(J) Cash Value of Asset	(K) A/I	(L) Annual Income from Asset

Enter Total Income from all Assets (M) \$

PART V. TOTAL HOUSEHOLD INCOME

Total Annual Household Income from All Sources [Add (E) + (F) **OR** (E) + (M)] \$

HOUSEHOLD CERTIFICATION & SIGNATURE(S)

The information on this form will be used to determine maximum income eligibility. I/we have provided for each person(s) set forth in Part II acceptable verification of current anticipated annual income. I/we agree to notify the landlord immediately upon any member of the household moving out of the unit or any new member moving in. I/we agree to notify the landlord immediately upon any member becoming a full-time student.

Under penalties of perjury, I/we certify that the information presented in this Certification is true and accurate to the best of my/our knowledge and belief. The undersigned further understands that providing false representations herein constitutes an act of fraud. False, misleading or incomplete information may result in the termination of the lease agreement.

Resident Signature _____ Signature Date _____ Resident Signature _____ Signature Date _____

Resident Signature _____ Signature Date _____ Resident Signature _____ Signature Date _____

CHỨNG NHẬN THU NHẬP CỦA NGƯỜI THUÊ NHÀ

☐ Chứng nhận ban đầu ☐ Tái chứng nhận ☐ Khác* _____
☐ Chuyển căn hộ từ căn hộ số _____

Ngày có hiệu lực: _____
Ngày chuyển vào: _____
Ngày Chứng nhận LIHTC ban đầu: _____



PHẦN I - DỮ LIỆU CỦA DỰ ÁN PHÁT TRIỂN

Tên bất động sản: _____ Quận: _____ Số BIN: _____
Địa chỉ _____ Số căn hộ: _____ Số Phòng ngủ: _____

PHẦN II. THÀNH PHẦN HỘ GIA ĐÌNH

Số thành viên trong hộ gia đình	Họ	Tên	Chữ cái đầu tên đệm	Mối quan hệ với Chủ hộ gia đình	Chủng tộc	Sắc tộc	Người khuyết tật (Có/Không)	Ngày sinh	Học sinh/sinh viên toàn thời gian (Có/Không)	4 số cuối của số an sinh xã hội
1										
2										
3										
4										
5										
6										
7										

PHẦN III. THU NHẬP GỘP HÀNG NĂM (SỬ DỤNG SỐ TIỀN HÀNG NĂM)

Số thành viên trong hộ gia đình	(A) Việc làm	(B) An sinh xã hội/Lương hưu	(C) Hỗ trợ công	(D) Thu nhập khác
TỔNG CỘNG	\$	\$	\$	\$

Tổng thu nhập (E): \$

PHẦN IV. TÀI SẢN

PHẦN IVA. THU NHẬP TỪ TÀI SẢN -THẤP HƠN HOẶC BẰNG GIỚI HẠN THU NHẬP ĐƯỢC ƯỚC TÍNH
Tổng giá trị ròng từ Tài sản cá nhân Không thiết yếu (NNPP), Bất động sản và Hoàn thuế/Tín dụng liên bang đã được xác minh là THẤP HƠN hoặc BẰNG Giới hạn thu nhập được ước tính
Nhập Tổng số THU NHẬP THỰC TẾ kiểm được từ tất cả Tài sản (F) \$

PHẦN IVB. THU NHẬP TỪ TÀI SẢN – LỚN HƠN GIỚI HẠN THU NHẬP ĐƯỢC ƯỚC TÍNH
Tổng giá trị ròng từ Tài sản cá nhân Không thiết yếu (NNPP) và Bất động sản đã được xác minh là LỚN HƠN so với Giới hạn thu nhập được ước tính.

Số thành viên trong hộ gia đình	(G) Loại tài sản	(H) C/D	(I) NNPP / Real/ Tax Relief	(J) Giá trị tiền mặt của tài sản	(K) A/I	(L) Thu nhập hàng năm từ tài sản

Nhập Tổng thu nhập từ tất cả Tài sản (M) \$

PHẦN V. TỔNG THU NHẬP HỘ GIA ĐÌNH

Tổng thu nhập hộ gia đình hàng năm từ mọi nguồn [Cộng (E) + (F) HOẶC (E) + (M)] \$

CHỨNG NHẬN HỘ GIA ĐÌNH VÀ (CÁC) CHỮ KÝ

Thông tin trên mẫu đơn này sẽ được sử dụng để xác định điều kiện thu nhập tối đa. Tôi/chúng tôi đã cấp cho mỗi người được nêu trong Phần II xác minh hợp lệ về thu nhập hàng năm dự kiến hiện tại. Tôi/chúng tôi đồng ý thông báo cho chủ nhà ngay lập tức khi bất kỳ thành viên nào trong hộ gia đình chuyển ra khỏi căn hộ hoặc bất kỳ thành viên mới nào chuyển vào. Tôi/chúng tôi đồng ý thông báo cho chủ nhà ngay lập tức khi bất kỳ thành viên nào trở thành học sinh/sinh viên toàn thời gian.

Tôi/chúng tôi xác nhận rằng thông tin được trình bày trên mẫu này là đúng và chính xác theo hiểu biết tốt nhất của tôi/chúng tôi cũng như sẽ chịu hình phạt nếu có gian dối. Người ký tên bên dưới hiểu rõ rằng việc cung cấp thông tin không chính xác ở đây cấu thành hành vi gian lận. Hậu quả của việc cung cấp thông tin sai lệch, gây hiểu lầm hoặc không đầy đủ là chấm dứt hợp đồng thuê.

Chữ ký cư dân

Ngày ký

Chữ ký cư dân

Ngày ký

Chữ ký cư dân

Ngày ký

Chữ ký cư dân

Ngày ký

PART VI. DETERMINATION OF INCOME ELIGIBILITY

TOTAL ANNUAL HOUSEHOLD INCOME

FROM ALL SOURCES: \$ _____

From Part V. on Page 1

Designated Income Restriction:

☐ 80% ☐ 70%

Current Income Limit per Family Size: \$ _____

☐ 60% ☐ 50%☐ 40% ☐ 30%

Household Income at Move-in: \$ _____

☐ 20% ☐ _____%

Household Size at Move-in: _____

RECERTIFICATION ONLY:

Designated Income Limit x 140% (170% for Deep Rent Skewing): \$ _____

(Designated Income Limit: 20-50 properties use 50%; 40-60 properties use 60%; Average Income Test properties use 60% for all units with income designations that are 60% or lower and actual unit designation for units at 70% and 80%)

Household is over income at recertification:

☐ Yes ☐ No**PART VII. RENT**

Tenant Rent: \$ _____

Unit Meets Rent Restriction at:

Utility Allowance: \$ _____

☐ 80% ☐ 70%

Rental Assistance: \$ _____

☐ 60% ☐ 50%

Other non-optional / mandatory fees: \$ _____

☐ 40% ☐ 30%

Gross Rent for Unit (See Instructions): \$ _____

☐ 20% ☐ _____%

Maximum Rent Limit for this unit: \$ _____

Is the source of Rental Assistance Federal? ☐ Yes ☐ No

If No, what is the source of the assistance? _____

☐ HUD Multi-Family Project-Based Rental Assistance (PBRA)☐ HUD Housing Choice Voucher (HCV-tenant based)☐ HUD Section 8 Moderate Rehabilitation☐ HUD Project-Based Voucher (PBV)☐ Public Housing Operating Subsidy☐ USDA Section 521 Rental Assistance Program☐ HOME Tenant Based Rental Assistance (TBRA)☐ Other Federal Rental Assistance _____**PART VIII. STUDENT STATUS**

Are all occupants Full-Time Students?

If yes, enter Student Explanation* and attach documentation

☐ Yes ☐ No

Enter 1-5: _____

Student Explanation:

1. TANF assistance
2. Previously in state foster care system
3. Job Training Program
4. Single parent/dependent child
5. Married/joint return

PART IX. PROGRAM TYPE (see instructions)

Mark the program(s) listed below (a. through e.) for which this household's unit will be counted toward the property's occupancy requirements. Under each program marked, indicate the household's income status as established by this Certification.

a. Tax Credit	b. HOME ☐	c. Tax Exempt Bond/LIFT/RiskShare/ED	d. National HTF	e. _____ ☐
See Part VI above.	Income Status:	Income Status:	Income Status:	Income Status:
	☐ ≤ 50% AMGI ☐ ≤ 60% AMGI ☐ ≤ 80% AMGI ☐ OI**	☐ ≤ 50% AMGI ☐ ≤ 60% AMGI ☐ ≤ 80% AMGI ☐ OI**	☐ 30%/Poverty Line ☐ ≤ 50% AMGI ☐ OI**	☐ _____% ☐ _____% ☐ OI**

** Upon recertification, household was determined over-income (OI) according to eligibility requirements of the program(s) marked above.

SIGNATURE OF OWNER/REPRESENTATIVE

Based on the representations herein and upon the proofs and documentation required to be submitted, the individual(s) named in Part II of this Tenant Income Certification is/are eligible under the provisions of Section 42 of the Internal Revenue Code, as amended, and the Land Use Restriction Agreement (if applicable), to live in a unit in this Project.

Owner/representative Signature

Date

PHẦN VI. XÁC ĐỊNH ĐIỀU KIỆN THU NHẬP

TỔNG THU NHẬP HỘ GIA ĐÌNH HÀNG

NĂM TỪ MỌI NGUỒN: \$ _____

Từ Phần V. trên trang 1

Hạn chế thu nhập được chỉ định:

☐ 80% ☐ 70%

☐ 60% ☐ 50%

☐ 40% ☐ 30%

☐ 20% ☐ _____%

Giới hạn thu nhập hiện tại theo quy mô gia đình: \$ _____

Thu nhập hộ gia đình khi chuyển vào \$ _____

Quy mô hộ gia đình khi chuyển vào: _____

CHỈ DÀNH CHO TÁI CHỨNG NHẬN:

Giới hạn thu nhập được chỉ định x 140% (170% đối với mức chênh lệch tiền thuê nhà sâu): \$ _____

(Giới hạn thu nhập được chỉ định: 20-50 bất động sản sử dụng 50%; 40-60 bất động sản sử dụng 60%; Các bất động sản thuộc Kiểm tra thu nhập trung bình sử dụng 60% cho tất cả các căn hộ có chỉ định thu nhập là 60% trở xuống và chỉ định đơn vị thực tế cho các đơn vị ở mức 70% và 80%)

Hộ gia đình có thu nhập vượt mức khi tái chứng nhận:

☐ Có ☐ Không

PHẦN VII. TIỀN THUÊ NHÀ

Tiền thuê của người thuê nhà: \$ _____

Căn hộ đáp ứng hạn chế tiền thuê nhà tại:

Trợ cấp Tiềm ích: \$ _____

☐ 80% ☐ 70%

Hỗ trợ thuê nhà: \$ _____

☐ 60% ☐ 50%

Các khoản phí bắt buộc / không được lựa chọn khác: \$ _____

☐ 40% ☐ 30%

Tiền thuê gộp trên một căn hộ (Xem hướng dẫn): \$ _____

☐ 20% ☐ _____%

Giới hạn tiền thuê tối đa ch căn hộ này: \$ _____

Nguồn hỗ trợ thuê nhà có phải là từ liên bang không? ☐ Có ☐ Không Nếu không, nguồn hỗ trợ đến từ đâu? _____

☐ Hỗ trợ thuê nhà theo dự án nhà ở nhiều hộ gia đình của HUD (PBRA)

☐ Phiếu lựa chọn nhà ở HUD (người thuê HCV)

☐ HUD Mục 8 Cải tạo vừa phải

☐ Phiếu theo dự án HUD (PBV)

☐ Trợ cấp hoạt động nhà ở công

☐ Chương trình hỗ trợ thuê nhà theo Mục 521 của USDA

☐ Hỗ trợ thuê nhà theo người thuê HOME (TBRA)

☐ Hỗ trợ tiền thuê nhà liên bang khác _____

PHẦN VIII. TÌNH TRẠNG HỌC SINH/SINH VIÊN

Tất cả những người cư trú đều là học sinh/sinh viên toàn thời gian?

Nếu có, hãy nhập Giải thích của học sinh/sinh viên * và đính kèm tài liệu

Giải thích của học sinh/sinh viên:

1. Trợ cấp TANF
2. Trước đây trong hệ thống chăm sóc nuôi dưỡng của tiểu bang
3. Chương trình đào tạo nghề
4. Cha mẹ đơn thân/con cái phụ thuộc
5. Đã kết hôn/khai thuế chung

☐ Có ☐ Không

Nhập 1-5: _____

PHẦN IX. LOẠI CHƯƠNG TRÌNH (xem hướng dẫn)

Đánh dấu (các) chương trình được liệt kê bên dưới (từ a đến e) mà căn hộ của hộ gia đình này sẽ được tính vào yêu cầu về cư trú của bất động sản. Trong mỗi chương trình được đánh dấu, hãy nêu tình trạng thu nhập của hộ gia đình theo Chứng nhận này.

a. Tín dụng thuế ☐	B HOME ☐	c. Miễn thuế ☐ Trái phiếu/LIFT/Chia sẻ rủi ro/ED	d. HTF quốc gia ☐	e. ☐
Xem Phần VI ở trên.	Tình trạng thu nhập:	Tình trạng thu nhập:	Tình trạng thu nhập:	Tình trạng thu nhập:
	☐ ≤ 50% AMGI ☐ ≤ 60% AMGI ☐ ≤ 80% AMGI ☐ OI**	☐ ≤ 50% AMGI ☐ ≤ 60% AMGI ☐ ≤ 80% AMGI ☐ OI**	☐ 30%/Ngưỡng nghèo đói ☐ ≤ 50% AMGI ☐ OI**	☐ _____% ☐ _____% ☐ OI**

** Sau khi tái chứng nhận, hộ gia đình được xác định là có thu nhập vượt mức (OI) theo các yêu cầu đủ điều kiện của (các) chương trình được đánh dấu ở trên.

CHỮ KÝ CỦA CHỦ SỞ HỮU/NGƯỜI ĐẠI DIỆN

Dựa trên phần trình bày tại đây và các bằng chứng và tài liệu cần nộp, (các) cá nhân được nêu tên trong Phần II của Chứng nhận Thu nhập của Người thuê nhà này hội đủ điều kiện theo các điều khoản của Mục 42 của Bộ luật Thuế thu nhập Liên bang, như bản sửa đổi, và Thỏa thuận Hạn chế Sử dụng Đất (nếu có), để sống tại một căn hộ trong Dự án này.

Chữ ký của chủ sở hữu/người đại diện

Ngày

Vui lòng gửi email đến Language.Access@HCS.oregon.gov nếu quý vị có góp ý hoặc đề xuất cải thiện bản dịch này